

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra công tác thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của các cơ sở giáo dục năm học 2022-2023

1. Đặc điểm nhà trường:

Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh được thành lập năm 2018 theo quyết định số 7550/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. Trường tọa lạc tại địa chỉ ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, Bình Chánh. Trường có số học sinh tăng dần theo các năm, năm 2022-2023 trường có 78 lớp với 3249 học sinh. Theo đó, đội ngũ giáo viên của trường năm 2022 – 2023 có 91 giáo viên.

2. Thực hiện công khai

- Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 54/KH-TiHHVB ngày 06 tháng 9 năm 2022 về thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

- Những nội dung công khai trong Kế hoạch của đơn vị.

a) *Cam kết chất lượng giáo dục:* Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 và của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (kèm theo Biểu mẫu 05 của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

b) *Chất lượng giáo dục thực tế:* Số học sinh xếp loại theo từng năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm học; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học (kèm theo Biểu mẫu 06 của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT).

c) *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian:* Trường đang xây dựng, chuẩn bị kiểm định chất lượng giáo dục 05 năm.

d) *Kiểm định cơ sở giáo dục:* công khai báo cáo đánh giá ngoài

+ Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục



a) *Cơ sở vật chất*: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (kèm theo Biểu mẫu 07 Thông tư 36/2017).

b) *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên*

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 08 Thông tư 36/2017). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và những năm tiếp theo.

+ *Công khai thu chi tài chính*:

a) *Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục*:

Căn cứ công văn số 2987/SGDDĐT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 1272/GDDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về lấy ý kiến nội dung thu, mức thu năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 3512/UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thu, sử dụng học phí và thu khác năm học 2022-2023 của các trường trên địa bàn Huyện.

Căn cứ công văn số 1492/GDDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Bình Chánh về hướng dẫn các khoản thu hộ, chi hộ đối với các trường công lập trên địa bàn Huyện năm học 2022-2023.

Căn cứ Kế hoạch số 84/KH-TiHHVB ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh về kế hoạch thu, sử dụng các khoản thu năm học 2022-2023;

Công khai các khoản thu khác từ các trung tâm Anh văn, Kỹ năng sống.

b) *Các khoản chi theo từng năm học*: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi cho các hoạt động thường xuyên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị...

c) *Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm như*: Hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc diện con diện chính sách xã hội, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, dân tộc, học sinh là con gia đình hộ nghèo và hộ cận nghèo.....

d) Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-

BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

II. Kết quả thực hiện

1. Hình thức công khai:

- Công khai kế hoạch tại các cuộc họp. Đại hội cha mẹ học sinh vào đầu năm học.

- Niêm yết các biểu mẫu công khai trên bảng thông tin của nhà trường

2. *Thời điểm công khai:* Công khai vào tháng 9/2022 sau khai giảng năm học và công khai lần 2 vào tháng 6/2023.

3. Đã công khai các nội dung:

- Việc thực hiện Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2023-2024.

- Báo cáo kết quả thực hiện công khai năm học 2022 - 2023 và kế hoạch triển khai công khai của năm học 2022 - 2023 về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh theo đúng thời gian quy định.

III. Nhận xét, đánh giá:

1. Ưu điểm:

Nhà trường đảm bảo đầy đủ các nội dung công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT. Việc công khai mang tính minh bạch, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục, để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

Nhà trường luôn nhận được sự đồng thuận của phụ huynh học sinh trong việc thực hiện công khai của nhà trường.

2. *Hạn chế:* Không có.

IV. Đề xuất, kiến nghị:

Không có.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Huỳnh

Biểu mẫu 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HUỖNH VĂN BÁNH

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh có tên trong danh sách gọi trẻ của UBND xã Vĩnh Lộc A, có giấy tạm trú hoặc hộ khẩu tại địa bàn ấp 2, 2A, 4, giấy khai sinh của trẻ từ năm 2017 về trước.	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	Chương trình GDPT 2018 (bộ sách Chân trời sáng tạo)	Chương trình GDPT 2018 (bộ sách Chân trời sáng tạo)	Chương trình GDPT 2018 (bộ sách Chân trời sáng tạo)	Chương trình GDPT 2018 (bộ sách Chân trời sáng tạo)	Chương trình GD phổ thông 2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Phối hợp chặt chẽ với gia đình thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, qua các buổi làm việc trực tiếp giữa GVCN và CMHS, qua nhóm zalo của lớp. Học sinh khi học tập cần có thái độ tôn trọng giáo viên, chăm chỉ, trung thực, tích cực, chủ động, sáng tạo.	Phối hợp chặt chẽ với gia đình thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, qua các buổi làm việc trực tiếp giữa GVCN và PHHS, qua nhóm zalo của lớp. Học sinh khi học tập cần có thái độ tôn trọng giáo viên, chăm chỉ, trung thực, tích cực, chủ động, sáng tạo.	Phối hợp chặt chẽ với gia đình thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, qua các buổi làm việc trực tiếp giữa GVCN và PHHS, qua nhóm zalo của lớp. Học sinh khi học tập cần có thái độ tôn trọng giáo viên, chăm chỉ, trung thực, tích cực, chủ động, sáng tạo.	Phối hợp chặt chẽ với gia đình thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, qua các buổi làm việc trực tiếp giữa GVCN và PHHS, qua nhóm zalo của lớp. Học sinh khi học tập cần có thái độ tôn trọng giáo viên, chăm chỉ, trung thực, tích cực, chủ động, sáng tạo.	Phối hợp chặt chẽ với gia đình thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, qua các buổi làm việc trực tiếp giữa GVCN và PHHS, qua nhóm zalo của lớp. Học sinh khi học tập cần có thái độ tôn trọng giáo viên, chăm chỉ, trung thực, tích cực, chủ động, sáng tạo.



						sáng tạo.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, TDTT, hoạt động ngoại khoá, hoạt động Đội.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- Kết quả năng lực, phẩm chất mức: + Tốt và Đạt: 100%; - Kết quả về học tập: + Hoàn thành chương trình lớp học: 98%; - Sức khỏe HS : Đảm bảo 100% HS đều được khám sức khỏe 1 lần/năm.	- Kết quả năng lực, phẩm chất mức: + Tốt và Đạt: 100%; - Kết quả về học tập: + Hoàn thành chương trình lớp học: 98%; - Sức khỏe HS : Đảm bảo 100% HS đều được khám sức khỏe 1 lần/năm.	- Kết quả năng lực, phẩm chất mức: + Tốt và Đạt: 100%; - Kết quả về học tập: + Hoàn thành chương trình lớp học: 98%; - Sức khỏe HS : Đảm bảo 100% HS đều được khám sức khỏe 1 lần/năm.	- Kết quả năng lực, phẩm chất mức: + Tốt và Đạt: 100%; - Kết quả về học tập: + Hoàn thành chương trình lớp học: 98%; - Sức khỏe HS : Đảm bảo 100% HS đều được khám sức khỏe 1 lần/năm.	- Kết quả năng lực, phẩm chất mức: + Tốt và Đạt: 100%; - Kết quả về học tập: + Hoàn thành chương trình lớp học: 100%; - Sức khỏe HS : Đảm bảo 100% HS đều được khám sức khỏe 1 lần/năm.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	Những HS chưa hoàn thành chương trình lớp học sẽ được tiếp tục ôn luyện trong hè để có thể xét hoàn thành chương trình lớp học trước khi bước vào năm học 2023-2024.				

Bình Chánh, ngày 12 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Huỳnh

Biểu mẫu 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HUỖNH VĂN BÁNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	3223	15	16	16	19	12
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0
III	Số học sinh chia theo năng lực.	3223	623	604	663	795	538
1	Năng lực chung						
<i>a</i>	<i>Tự chủ và tự học (lớp 1,2,3) /tự phục vụ, tự quản (lớp 4,5)</i>	3223					
	<i>Tốt</i>	2552	488	455	484	644	481
	<i>Đạt</i>	671	135	149	179	151	57
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Giao tiếp và hợp tác (lớp 1,2,3)/ Hợp tác (lớp 4,5)</i>	3223					
	<i>Tốt</i>	2746	485	540	525	685	511
	<i>Đạt</i>	477	138	64	138	110	27
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	0
<i>c</i>	<i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo (lớp 1,2,3)/ Tự học và giải quyết vấn đề (lớp 4,5)</i>	3223					
	<i>Tốt</i>	2421	433	443	482	602	461
	<i>Đạt</i>	802	190	161	181	193	77

	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	0	0
2	Năng lực đặc thù						
a	Ngôn ngữ	1890					
	<i>Tốt</i>	1511	487	519	505	/	/
	<i>Đạt</i>	379	136	85	158	/	/
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	/	/
b	Tính toán	1890					
	<i>Tốt</i>	1523	511	499	513	/	/
	<i>Đạt</i>	367	112	105	150	/	/
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	/	/
c	Khoa học	1890					
	<i>Tốt</i>	1540	481	520	539	/	/
	<i>Đạt</i>	350	142	84	124	/	/
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	/	/
d	Thẩm mỹ	1890					
	<i>Tốt</i>	1518	455	507	556	/	/
	<i>Đạt</i>	372	168	97	107	/	/
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	/	/
e	Thể chất	1890					
	<i>Tốt</i>	1696	544	578	574	/	/
	<i>Đạt</i>	194	79	26	89	/	/
	<i>Cần cố gắng</i>	0	0	0	0	/	/
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất	3223	623	604	663	795	538
1	Yêu nước	1890					

	Tốt	1835	594	598	643	/	/
	Đạt	55	29	6	20	/	/
	Cần cố gắng	0	0	0	0	/	/
2	Nhân ái (lớp 1,2,3)/ đoàn kết, yêu thương (lớp 4,5)	3223					
	Tốt	3105	591	588	637	762	527
	Đạt	118	32	16	26	33	11
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
3	Chăm chỉ (lớp 1,2,3)/ Chăm học, chăm làm (lớp 4,5)	3223					
	Tốt	2464	446	464	477	604	455
	Đạt	759	159	140	186	191	83
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
4	Trung thực (lớp 1,2,3)/ Trung thực, kỷ luật (lớp 4,5)	3223					
	Tốt	2912	549	537	611	724	491
	Đạt	311	74	67	52	71	47
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
5	Trách nhiệm (lớp 1,2,3)/ tự tin, trách nhiệm (lớp 4,5)	3223					
	Tốt	2672	475	501	587	645	464
	Đạt	551	148	103	76	150	74
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
V	Số HS chia theo kết quả học tập	3223	623	604	663	795	538
1	Tiếng Việt	3223					
	Hoàn thành tốt	2028	419	360	380	455	414

	Hoàn thành	1158	184	236	275	339	124
	Chưa hoàn thành	37	20	8	8	1	0
2	Toán	3223					
	Hoàn thành tốt	2516	486	500	482	566	482
	Hoàn thành	686	123	103	176	228	56
	Chưa hoàn thành	21	14	1	5	1	0
3	Tự nhiên và xã hội	1890					
	Hoàn thành tốt	1376	442	466	468	/	/
	Hoàn thành	514	181	138	195	/	/
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	/	/
4	Khoa học	1333					
	Hoàn thành tốt	1189	/	/	/	661	528
	Hoàn thành	144	/	/	/	134	10
	Chưa hoàn thành	0	/	/	/	0	0
5	Lịch sử - Địa lý	1333					
	Hoàn thành tốt	1035	/	/	/	525	510
	Hoàn thành	297	/	/	/	269	28
	Chưa hoàn thành	1	/	/	/	1	0
6	Công nghệ	663					
	Hoàn thành tốt	562	/	/	562	/	/
	Hoàn thành	101	/	/	101	/	/
	Chưa hoàn thành	0	/	/	0	/	/
7	Tin học	1996					
	Hoàn thành tốt	1489	/	/	514	601	374
	Hoàn thành	507	/	/	149	194	164

	Chưa hoàn thành	0	/	/	0	0	0
8	Tiếng Anh	1996					
	Hoàn thành tốt	1366	/	/	407	579	380
	Hoàn thành	623	/	/	249	216	158
	Chưa hoàn thành	7	/	/	7	0	0
9	Giáo dục thể chất Thể dục	3223					
	Hoàn thành tốt	2339	465	449	535	503	387
	Hoàn thành	884	158	155	128	292	151
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
10	Nghệ thuật/Âm nhạc	3223					
	Hoàn thành tốt	1988	393	392	410	439	354
	Hoàn thành	1235	230	212	253	356	184
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
11	Nghệ thuật/ Mỹ thuật	3223					
	Hoàn thành tốt	2338	426	479	471	589	373
	Hoàn thành	885	197	125	192	206	165
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
12	Kỹ thuật	1333					
	Hoàn thành tốt	1077	/	/	/	621	456
	Hoàn thành	256	/	/	/	174	82
	Chưa hoàn thành	0	/	/	/	0	0
13	Hoạt động trải nghiệm	1890					
	Hoàn thành tốt	1404	458	467	479	/	/
	Hoàn thành	486	165	137	184	/	/
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	/	/

14	Đạo đức	3223					
	Hoàn thành tốt	2568	468	498	509	630	463
	Hoàn thành	655	155	106	154	165	75
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	0	628	673	812	538	433
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3223	603/623 (96.79%)	595/604 (98.51%)	650/663 (98.04%)	792/795 (99.62%)	538/538 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	3223	322/623 (51.69%)	313/604 (51.82%)	295/663 (44.49%)	427/795 (53.71%)	346/538 (64.31%)
b	HS được khen cấp Thành phố (tỷ lệ so với tổng số)	5	2	0	1	2	0
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	45	20/623 (4.3%)	9/604 (1.3%)	13/663 (2.2%)	3/795 (0.2%)	0

Bình Chánh, ngày 12 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Huỳnh

Biểu mẫu 07**UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HUỲNH VĂN BÁNH****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	39	0.013
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8110,5	2.602
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2200	0.706
VI	Tổng diện tích các phòng	2183	0.7
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	
2	Diện tích thư viện (m ²)	180	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	56	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	50	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	30	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	0	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	Theo TT 05/2019/TT- BGDDT ngày 05/4/2021	
1.2	Khối lớp 2	Theo TT 43/2020/TT- BGDDT ngày 03/11/2020	
1.3	Khối lớp 3	Theo TT 37/2021/TT- BGDDT ngày 30/12/2021	
1.4	Khối lớp 4		
1.5	Khối lớp 5		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác...	9	
6	Máy phô tô	1	
7	Máy Scan	2	
8	Máy tính phục vụ học tập	134	



9	Máy tính phục vụ quản lý	9	
---	--------------------------	---	--

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	24		42		42
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Bình Chánh, ngày 12 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)
NGUYỄN VĂN BÀNH
Nguyễn Ngọc Huỳnh

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU

Biểu mẫu 08

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH TRƯỜNG TIỂU HỌC HUỖNH VĂN BÁNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Không ĐG
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	98		2	90	4	2		59	24	15				
I	Giáo viên	91		0	87	3	1		55	23	13	83	6	0	2
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	0													
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	4			3	1			3		1	4			
3	Tin học	0													
4	Âm nhạc	3			3				1	1	1	3			
5	Mỹ thuật	2				2			1	1		1	1		
6	Thể dục	4			4				2	1	1	3	1		
7	Tổng phụ trách	1			1				1						1
II Cán bộ quản lý															
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	1	2			
III Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1				1			1						
2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								



5	Nhân viên thư viện	0												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1		1						
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
9	...	0												

Bình Chánh, ngày 12 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Ngọc Huỳnh



QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai
Năm học: 2022 – 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HUỲNH VĂN BÁNH

Căn cứ Quyết định số 7550/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về thành lập trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

Căn cứ Thông tư 36/2017/PT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28 tháng 12 năm 2017 về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2022-2023. Xét khả năng và đạo đức của CB, GV, NV;

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ, chức năng của Hiệu trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Ban thực hiện quy chế công khai năm học 2022- 2023, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2. Bà Dương Thị Ánh Dứt	Chủ tịch Công đoàn	Phó ban
3. Bà Võ Thị Thu Trang	Thư ký Hội đồng	Thư ký
4. Bà Nguyễn Thị Tố Tâm	Trưởng ban TTND	Ủy viên
5. Bà Hoàng Thị Mơ	Kế toán	Ủy viên

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai có trách nhiệm thực hiện đúng kế hoạch và công khai kịp thời các nội dung theo qui định.

Điều 3. Các ông (bà) có tên ở Điều 1 và Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Như điều 3;
-Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Huỳnh

QUY CHẾ

Thực hiện công khai đối với Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 68c /QĐ-TiHHVB ngày 04 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh

1. Thực hiện công khai cam kết của Trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để học sinh. Các thành viên của trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh và xã hội tham gia giám sát và đánh giá trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh theo qui định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm đơn vị trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của trường Tiểu học Huỳnh Văn Bánh phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI TRƯỜNG TIỂU HỌC HUỖNH VĂN BÁNH

Điều 4: Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của trường, chương trình giáo dục mà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, đội ngũ

giáo viên cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được, khả năng học tập tiếp tục của học sinh (trường theo biểu mẫu 05)

b) Chất lượng giáo dục thực tế số học sinh xếp loại theo năng lực, phẩm chất và chất lượng các môn học, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kì thi, số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, có phân biệt theo khối lớp (trường tiểu học thực hiện theo biểu mẫu 06).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt mức 1.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá hằng năm và tiến tới đánh giá được công nhận cấp độ 1.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (trường thực hiện theo biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (trường thực hiện theo biểu mẫu 08)

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và trong hai năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của trường:

Đối với các trường công lập: căn cứ theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách Nhà nước và thực hiện theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ ngân sách.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ ngân sách.

Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh, sinh viên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

b) Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c) Chính sách học bổng và các khoản thu khác theo từng năm học.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào khi cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm điều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, cơ sở giáo dục thực hiện công khai như sau:

a) Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

b) Đối với học sinh đang học tại trường: Phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị

1. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra (quy định tại Điều 15 của Thông tư 36//2017/TT- BGDĐT) và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cơ sở giáo dục (quy định tại Điều 15 của Thông tư 36//2017/TT- BGDĐT).

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c) Đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

4. Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với điều kiện của nhà trường và quy định chung của cấp trên.

5. Xét chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, đề nghị Hiệu trưởng quyết định khen thưởng hoặc trình các cấp thẩm quyền khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.